

**BẢNG TIÊU CHÍ XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CẤP KHOA
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2019 - 2020**

Khóa/ Ngành	SL SV	Học phí/ 1SV/học kỳ	Tổng Học phí toàn trường	Số tiền trích Học bổng (8%)	Tỉ lệ % trích HB	Số tiền còn phải chi	Quỹ Học bổng của từng ngành	Số suất HB chuẩn	Số suất Học bổng			Tổng Số tiền Học bổng	Chênh lệch
									XS	G	K		
1	2	3	4=3*2	5=4*8%	6=5/S cột 5	7=6*B	8=5+7	9	10	11	12	13	14 = 8-13
2017													
KHMT	203	4,200,000	852,600,000	68,208,000	16%	10,133,330	78,341,330	27	0	8	26	78,120,000	221,330
HTTTQL	158	1,800,000	284,400,000	22,752,000	5%	3,380,154	26,132,154	21	1	18	0	24,480,000	1,652,154
2018													
KHMT	121	6,260,000	757,460,000	60,596,800	14%	9,002,571	69,599,371	16	5	8	0	66,356,000	3,243,371
HTTTQL	97	5,710,000	553,870,000	44,309,600	10%	6,582,861	50,892,461	13	0	0	18	51,390,000	(497,539)
CNTT	165	5,780,000	953,700,000	76,296,000	17%	11,334,924	87,630,924	22	4	13	4	87,278,000	352,924
2019													
KHMT	133	4,410,000	586,530,000	46,922,400	11%	6,971,032	53,893,432	17	2	3	13	46,746,000	7,147,432
HTTTQL	112	4,200,000	470,400,000	37,632,000	9%	5,590,803	43,222,803	15	3	10	0	42,000,000	1,222,803
CNTT	227	4,410,000	1,001,070,000	80,085,600	18%	11,897,927	91,983,527	30	5	21	1	89,082,000	2,901,527
TỔNG	1216	36,770,000	5,460,030,000	436,802,400	100%	64,893,600	501,696,000	160	20	81	62	485,452,000	16,244,000

- A: Quỹ học bổng nhà trường phân bổ

501,696,000 đồng

- B = A - S cột 5: Chênh lệch của Quỹ Học bổng nhà trường và tỷ lệ trích của Khoa

64,893,600 đồng

- Cột 17 <= 0; Trường hợp C chưa <=0 các Khoa tiếp tục cân đối số suất HB cho đến hết phần kinh phí đã được phân bổ

- Căn cứ điểm trung bình học tập và điểm rèn luyện các Khoa xét theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết số suất HB theo kinh phí đã được phân bổ

Ghi chú:

- Cột 16 = (Cột 13 x Cột 6 x 130%) + (Cột 14 x Cột 6 x 110%) + (Cột 15 x Cột 6 x 100%)

Cột 9:

- Khóa 2017, 2018, 2019: =cột 8/(cột 2*70%) (do suất chuẩn là giới 70%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

LÃNH ĐẠO KHOA

Trương Hoàng Vinh